

Một sự thừa kế mới: Mỏng hơn, Nhỏ hơn và Trên cả tốt hơn

Dòng IC-F52D là máy vô tuyến cầm tay IDAS™ thế hệ tiếp theo. Nó không chỉ thừa hưởng công nghệ thiết kế tiên tiến từ dòng IC-F3400D, mà còn đưa ra các cải tiến hiện đại, trong khi đó áp dụng kích thước và khả dụng từ các dòng mô-đen rất thông dụng IC-F50V/IC-F50. Các dòng IC-F52D là sự kết hợp thực sự giữa công nghệ kế thừa và hiện đại trong một trong những gói nhỏ gọn nhất hiện nay.

■ Nhỏ, nhẹ và đóng gói nhiều tính năng

■ Đa chế độ hoạt động

- FM tương tự
- NXDN™/dPMR™ truyền thống
- Có thể nâng cấp lên trung kế NXDN™ Type-D
- Có thể nâng cấp lên trung kế dPMR™ Mode 3*

* Không sẵn có trong tất cả vùng miền.

■ Màn hình ma trận điểm ảnh đầy đủ, núm xoay kênh và âm lượng để vận hành đơn giản hàng ngày

■ Tích hợp Bluetooth®, các chức năng ghi âm, chống ồn chủ động

■ Các chức năng phát hiện Chuyển động/Đứng yên, người bị ngã và người làm việc một mình

■ Chức năng OTAP (Lập trình không dây) dễ dàng cấu hình các máy vô tuyến nằm trong vùng phủ sóng

■ Quản lý pin thông minh giúp kéo dài tuổi thọ pin



IC-F52D

IC-F62D

Các tính năng chung

- Các phiên bản 136–174, 350–400, 400–470, 450–512, 450–520 MHz
- 512 Kênh / 128 Vùng
- Màn hình ma trận điểm 14 ký tự có biểu tượng trạng thái
- Giao diện người dùng được cải tiến
- Có thể lập trình được các chức năng và các mục trình đơn ở ngôn ngữ khác với tiếng Anh (Ví dụ tiếng Pháp, Tây Ban Nha, Đức, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ)
- Đèn chiếu nền LCD và các nút ấn
- Nút xoay liên tục và nút bật/tắt (ON/OFF) âm lượng
- Âm thanh loa trong to và rõ 1300 mW
- Chống sốc, rung, nhiệt và hơn nữa theo tiêu chuẩn MIL-STD-810 G
- Chống nước và chống bụi tiêu chuẩn IP67/66/55/54
- Kích thước mỏng 29 mm (1.1 inch) (có thời pin BP-290)
- Hiển thị thông tin pin
- Nâng cấp khóa bản quyền (trung kế)

Chế độ làm việc

- Chế độ NXDN hoặc dPMR 1/2 truyền thống
- NXDN hoặc dPMR đa vị trí truyền thống thông qua mạng IP
- Trung kế NXDN Type-D một/đa vị trí*
* Cần có khóa bản quyền (ISL-UGMTR).
- Trung kế dPMR Chế độ 3*
* Cần có khóa bản quyền (ISL-UGMD3). Không sẵn có ở tất cả các vùng miền.
- Chế độ 12.5 kHz kỹ thuật số (NXDN truyền thống)
- Chế độ tương tự (Analog)
- Vận hành kết hợp tương tự/kỹ thuật số

Các chức năng kỹ thuật số (Thoại và Dữ liệu)

- Bộ mã hóa thoại AMBE+2™
- Chức năng lập trình không dây (OTAP)*
* Cần có trình quản lý OTAP (CS-OTPM1).
- Mật danh không dây (OAA) gửi tên riêng với một cuộc gọi
- Cập nhật không dây (OTAU) thay đổi không dây dữ liệu kênh bộ lặp lại và mã vị trí thông qua (Trung kế NXDN Type-D)
- Gọi riêng, gọi nhóm và gọi tắt cả
- Mục cuối cùng của cuộc gọi nhóm
- Cuộc gọi trạng thái và gọi thăm dò
- Tin nhắn dữ liệu ngắn
- Cuộc gọi báo động (NXDN)
- Chế độ truyền dữ liệu rõ ràng

Các chức năng tương tự

- CTCSS và DTCS tone
- 2-Tone và 5-Tone
- Các chức năng MDC (tùy theo phiên bản)
- BIIS 1200 (MSK)
- Trung kế LTR™ (tùy theo phiên bản)
- Tự động quay số DTMF

An ninh và an toàn

- Bộ xáo trộn thoại kỹ thuật số (Mức bảo mật thấp)
- Bộ xáo trộn thoại tương tự (Đảo ngược)
- Mật khẩu khi bật nguồn
- Tactical group temporarily reconfigures user talkgroups
- Vô hiệu hóa/khôi phục/phá hủy máy vô tuyến
- Giám sát từ xa (NXDN)/lắng nghe môi trường (dPMR)
- Phím khẩn cấp cho cuộc gọi khẩn cấp
- Chức năng người bị ngã
- Chức năng người làm việc một mình
- Phát hiện chuyển động/đứng yên

Chức năng quét

- Quét ưu tiên
- Quét biểu quyết để hòa mạng vị trí

Chức năng thoại/âm thanh

- Thông báo thoại (Số hiệu kênh và vùng)
- Chức năng VOX cho thao tác rảnh tay
- Ghi âm/phát lại thoại (Lên đến 8 phút)
- Bộ khử ồn TX/RX chủ động
- Bộ cân bằng âm thanh TX/RX
- Thông báo bằng âm thanh (Chế độ tương tự)

Các tính năng phần cứng

- Báo động rung lập trình được
- Tích hợp Bluetooth® cho dữ liệu và âm thanh không dây
- Các phương án tùy chọn phụ kiện âm thanh gồm loa kèm mi-crô, bộ tai nghe và tai nghe
- Phụ kiện đầu nối 14-chân
- Lập trình máy vô tuyến không dây thông qua Bluetooth®
- Tùy chọn bộ sạc thông minh BC-225 và phần mềm đọc RS-BC225 để quản lý vòng đời pin BC-225.



Kiểm tra trang web để biết thêm thông tin về FDMA băng hẹp 6.25 kHz.
www.icomjapan.com/explore/digital

		IC-F52D	IC-F52D	IC-F62D	IC-F62D
		Phiên bản NXDN	Phiên bản dPMR	Phiên bản NXDN	Phiên bản dPMR
TỔNG QUAN					
Phạm vi tần số* (* Tùy theo phiên bản)		136–174 MHz	136–174 MHz	350–400, 400–470, 450–512, 450–520 MHz	400–470 MHz
Số lượng kênh		512 kênh /128 vùng			
Kiểu phát xạ* (* Tùy theo phiên bản)		16K0F3E*, 14K0F3E, 11K0F3E, 8K50F3E, 8K30F1E/D, 4K00F1E/D	16K0F3E*, 14K0F3E, 8K50F3E, 4K00F1E/D	16K0F3E*, 14K0F3E, 11K0F3E, 8K50F3E, 8K30F1E/D, 4K00F1E/D	16K0F3E*, 14K0F3E, 8K50F3E, 4K00F1E/D
Yêu cầu nguồn nuôi		7.5 V DC danh định			
Dòng dẫn (xấp xỉ)	Tx	1.8 A			
	Rx	500 mA /170 mA (Max. audio (loa trong)/Standby)		600 mA /170 mA (Max. audio (loa trong)/Standby)	
Trở kháng an-ten		50 Ω			
Dải nhiệt độ làm việc		–30 °C đến +60 °C; –22 °F đến +140 °F (Thông số kỹ thuật máy vô tuyến)			
Kích thước (W × H × D; Không gồm các đầu phát xạ)		56 × 91.5 × 29 mm; 2.2 × 3.6 × 1.1 in (Có BP-290)			
Khối lượng (xấp xỉ)		125 g; 4.4 oz (khối máy chính)			
		230 g; 8.1 oz (BP-290, MBB-3)			
MÁY PHÁT					
Công suất đầu ra (Hi, L2, L1)		5 W, 2 W, 1 W		5 W, 2 W, 1 W	
Độ ổn định tần số		±1.0 ppm		±1.0 ppm	
Phát xạ giả		80 dB điển hình (USA)		80 dB điển hình (USA)	
		0.25 μW (≤ 1 GHz), 1.0 μW (> 1 GHz) (EUR)		0.25 μW (≤ 1 GHz), 1.0 μW (> 1 GHz) (EUR)	
Tạp nhiễu FM		57 dB điển hình (@25 kHz), 55 dB điển hình (@12.5 kHz) (USA)		57 dB điển hình (@25 kHz), 56 dB điển hình (@12.5 kHz) (USA)	
Độ méo hài âm thanh		0.4% điển hình (AF 1 kHz độ méo 40%)		0.4% điển hình (AF 1 kHz độ méo 40%)	
Lỗi FSK		1% điển hình (@DVN/DN)		1% điển hình (@DVN/DN)	
MÁY THU					
Độ nhạy	Tương tự (12 dB SINAD)	0.23 μV điển hình		0.23 μV điển hình	
	Tương tự (20 dB SINAD)	–4.0 dBμV emf điển hình (@25/20 kHz), –1.4 dBμV emf điển hình (@12.5 kHz)		–4.0 dBμV emf điển hình (@25/20 kHz), –1.1 dBμV emf điển hình (@12.5 kHz)	
	Kỹ thuật số (1% BER)	–5.0 dBμV emf điển hình (0.28 μV điển hình) (@DVN), –3.0 dBμV emf điển hình (0.35 μV điển hình) (@DN)		–4.0 dBμV emf điển hình (0.32 μV điển hình) (@DVN), –3.0 dBμV emf điển hình (0.35 μV điển hình) (@DN)	
Độ lựa chọn kênh lân cận	Tương tự	79 dB điển hình (@25/20 kHz), 77 dB điển hình (@12.5 kHz)		76 dB điển hình (@25/20 kHz), 73 dB điển hình (@12.5 kHz)	
	Kỹ thuật số	70 dB điển hình (@DVN), 72 dB điển hình (@DN)		66 dB điển hình (@DVN), 68 dB điển hình (@DN)	
Loại bỏ phản hồi giả		76 dB điển hình		78 dB điển hình	
Loại bỏ xuyên điều chế	Tương tự	76 dB điển hình (USA) 68 dB điển hình (EUR)		74 dB điển hình (USA) 68 dB điển hình (EUR)	
	Kỹ thuật số	73 dBμV emf điển hình (@DVN), –40 dBm điển hình (@DN)		73 dBμV emf điển hình (@DVN), –40 dBm điển hình	
Công suất âm đầu ra		Loa trong Loa ngoài		1300 mW điển hình (ở độ méo 5%, tải 8 Ω) 1000 mW điển hình (ở độ méo 5%, tải 8 Ω)	

Các phép đo được thực hiện phù hợp với TIA-603, EN300 086, EN301 166, EN300 113. Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không có nghĩa vụ báo trước.

*1 Bảng thông 25 kHz không còn sẵn có cho bản quyền FCC Part 90 đối với các phiên bản USA.
DVN: Kỹ thuật số băng rất hẹp (6.25 kHz), DN: Kỹ thuật số băng hẹp (12.5 kHz), DN chỉ dành cho phiên bản NXDN.

Các thông số kỹ thuật & tiêu chuẩn IP áp dụng cho Quân đội Mỹ

Tiêu chuẩn	MIL 810G	
	Phương pháp	Quy trình
Áp suất thấp	500.5	I, II
Nhiệt độ cao	501.5	I, II
Nhiệt độ thấp	502.5	I, II
Sốc nhiệt	503.5	I-C
Bức xạ mặt trời	505.5	I
Mưa hắt/nhỏ giọt	506.5	I, III
Độ ẩm	507.5	II
Sương muối	509.5	–
Bụi thổi	510.5	I
Ngâm nước	512.5	I
Rung	514.6	I
Sốc	516.6	I, IV

Cũng thỏa mãn tiêu chuẩn tương đương MIL-STD-810-C, -D, -E và -F.

Tiêu chuẩn bảo vệ đầu vào		
Bụi & Nước	IP67/66/55/54	

Tuổi thọ pin

Thỏi pin	Kiểu	Dung lượng	Thời gian hoạt động*
BP-290	Li-ion 7.2 V	2010 mAh (typ.), 1910 mAh (min.)	13 giờ (Xấp xỉ)
BP-294	Li-ion 7.2 V	3150 mAh (typ.), 3050 mAh (min.)	18.5 giờ (Xấp xỉ)

* Tx: Rx: standby = 5:5:90 chu kỳ chu công suất. Chức năng tiết kiệm nguồn ON.

Các phụ kiện được cung cấp: (Có thể khác tùy theo phiên bản)

- Thỏi pin, BP-290
- Kẹp thắt lưng, MBB-3

THỜI PIN VÀ VỎ ĐỰNG PIN

BP-290: Pin sạc Li-ion 7.2 V/1910 mAh (min.), 2010 mAh (typ.). Cấp bảo vệ IP67.
BP-294: Pin sạc Li-ion 7.2 V/3050 mAh (min.), 3150 mAh (typ.). Cấp bảo vệ IP67.
BP-291: Vỏ đựng pin LR6 (AA) × 5. Cấp bảo vệ IP54.

CÁC BỘ SẠC PIN

BC-226: Bộ sạc kiểu có thể kết nối (kết nối lên đến 6 khối BC-226). Sạc pin BP-290 trong 2.7 giờ.

+ **BC-228:** Bộ đổi nguồn AC. Cần một bộ đổi nguồn AC cho 6 bộ sạc.

BC-225: Bộ sạc thông minh. Hiển thị thông tin sạc với đèn LED.
 Sạc pin BP-290 trong khoảng 2.5 giờ.

+ **BC-123SA/SE/SV:** Bộ đổi nguồn AC.

RS-BC225: Phần mềm bộ sạc thông minh cho Windows® PC.

BC-227: Bộ sạc để bàn kiểu nhỏ gọn. Sạc pin BP-290 trong 2.7 giờ.

+ **BC-123SA/SE/SV:** Bộ đổi nguồn AC.

BC-219N: Bộ sạc để bàn. Sạc pin BP-290 trong 2.5 giờ.

+ **BC-123SA/SE/SV:** Bộ đổi nguồn AC.

BC-214: Bộ sạc nhiều pin. Sạc lên đến 6 pin BP-290 trong khoảng 2.8 giờ.

+ **BC-157S:** Bộ đổi nguồn AC.

* Bộ đổi nguồn sạc AD-132N được cấp với BC-214, tùy theo phiên bản.



CÁC CẤP NGUỒN

CP-23L: Cấp sạc trên xe để dùng với BC-219N hoặc BC-227.

OPC-515L: Cấp nguồn DC để dùng với BC-219N, BC-225 hoặc BC-227.

OPC-656: Cấp nguồn DC để dùng với BC-214.

LOA KÈM MI-CRÔ VÀ TAI NGHE

HM-222: Loa kèm mi-crô có giắc cắm tai nghe 3.5 mm. Cấp bảo vệ IP68.

HM-163MC: Mi-crô kẹp cà-vạt có giắc cắm tai nghe 2.5 mm.

EH-15B: Tai nghe có giắc cắm 2.5 mm để sử dụng với HM-163MC.

SP-26: Ống nghe có giắc cắm 2.5 mm để sử dụng với HM-163MC.

SP-28: Tai nghe kiểu móc tai có giắc cắm 2.5 mm để sử dụng với HM-163MC.

SP-32: Bộ chuyển đổi ống nghe để sử dụng với EH-15B.

SP-27: Ống nghe có giắc cắm 3.5 mm. Để sử dụng với HM-222 hoặc AD-135.

SP-29: Tai nghe kiểu móc tai có giắc cắm 3.5 mm. Để sử dụng với HM-222 hoặc AD-135.

SP-40: Tai nghe có giắc cắm 3.5 mm. Để sử dụng với HM-222 hoặc AD-135.



BỘ TAI NGHE VÀ CÁP CÔNG TẮC PTT

HS-94: Bộ tai nghe (Sử dụng với VS-5MC).

HS-95: Bộ tai nghe choàng sau đầu (Sử dụng với VS-5MC).

HS-97: Mi-crô áp họng (Sử dụng với VS-5MC).

VS-3: Bộ tai nghe Bluetooth.

VS-5MC: Cáp công tắc PTT có chức năng VOX. Cần có VS-5MC khi sử dụng bất kỳ HS-94, HS-95 hoặc HS-97.



KẸP THẮT LƯNG, MÓC TREO THẮT LƯNG VÀ VỎ ĐỰNG

MBB-3: Kẹp thắt lưng kiểu cá sấu. Giống như được cung cấp.

MB-136: Kẹp thắt lưng kiểu xoay.

MB-96N: Móc treo thắt lưng bằng da kiểu xoay.

MB-96F: Móc treo thắt lưng bằng da kiểu cổ định. Để dùng với MBB-3.

MB-96FL: Móc treo thắt lưng bằng da kiểu dài cổ định. Để dùng với MBB-3.

LC-187: Vỏ đựng loại cứng cho BP-290. Có thể sạc trong khi lắp vỏ.

LC-190: Vỏ đựng loại cứng cho BP-294. Có thể sạc trong khi lắp vỏ.

LC-188: Vỏ đựng loại cứng cho BP-290.



CÁC TỰY CHỌN VÀ CÁP KHÁC

AD-135: Bộ chuyển đổi giắc tai nghe 3.5 mm để dùng với bất kỳ tai nghe SP-27, SP-29 hoặc SP-40.

AD-118: Bộ chuyển đổi ACC. Để dùng với phụ kiện giắc cắm Hirose.

OPC-2338: Cáp lập trình. Kiểu USB-14-chân.

OPC-1870: Cáp sao chép vùng. Tay cầm cho kiểu xách tay.

PHẦN MỀM VÀ KHÓA KÍCH HOẠT

CS-OTPM1: Phần mềm quản lý OTAP.

CS-F52D: Phần mềm lập trình.

ISL-UGMTR: Khóa cập nhật trung kế NXDN™ Type-D.

ISL-UGMD3: Khóa cập nhật trung kế dPMR™ Mode 3.

CÁC AN-TEN

FA-SC25V: 136–150 MHz

FA-SC28V: 148–162 MHz

FA-SC29V: 160–174 MHz

FA-SC01U: 350–400 MHz

FA-SC25U: 400–430 MHz

FA-SC57U: 430–470 MHz

FA-SC72U: 470–520 MHz

CÁC AN-TEN NGẮN

FA-SC26VS: 136–144 MHz

FA-SC27VS: 142–150 MHz

FA-SC56VS: 150–162 MHz

FA-SC57VS: 160–174 MHz

FA-SC26US: 400–450 MHz

FA-SC73US: 450–490 MHz

CÁC AN-TEN ĐỘ LỢI CAO

FA-SC62V: 150–160 MHz

FA-SC63V: 155–165 MHz

CÁC AN-TEN KIỂU CỤT

FA-SC61VC: 136–174 MHz

FA-SC61UC: 380–520 MHz

Các tùy chọn có thể không sẵn có ở một số quốc gia. Hãy hỏi đại lý bán hàng của bạn để biết thông tin.

Icom, Icom Inc. và Icom logo là các thương hiệu đã đăng ký của Tập đoàn Icom (Nhật Bản) tại Nhật Bản, Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, Úc, New Zealand và/hoặc các quốc gia khác. NXDN là thương hiệu của Tập đoàn Icom và JVC KENWOOD Corporation. dPMR và biểu trưng dPMR là nhãn hiệu của Hiệp hội dPMR MoU. IDAS và logo IDAS là thương hiệu của Tập đoàn Icom. AMBE + 2 là nhãn hiệu và tài sản của Digital Voice System, Inc. LTR là nhãn hiệu của E.F. Johnson Technologies, INC. Windows là nhãn hiệu đã đăng ký hoặc nhãn hiệu của Tập đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác. Biểu tượng và nhãn hiệu Bluetooth® là các nhãn hiệu đã đăng ký thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và bất kỳ việc sử dụng các nhãn hiệu như vậy của Icom Inc. đều phải được cấp phép. Tất cả các nhãn hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

Icom Inc.

1-1-32, Kamiminami, Hirano-Ku, Osaka 547-0003, Japan Phone: +81 (06) 6793 5302 Fax: +81 (06) 6793 0013

www.icomjapan.com

Hãy tin chúng tôi

Icom America Inc.
www.icomamerica.com

Icom (Europe) GmbH
www.icomeurope.com

Icom (Australia) Pty. Ltd.
www.icom.net.au

Đại lý phân phối/bán hàng địa phương bạn:

Icom Canada
www.icomcanada.com

Icom Spain S.L.
www.icomspain.com

Shanghai Icom Ltd.
www.bjicom.com

Icom Brazil
E-mail: sales@icombrasil.com

Icom (UK) Ltd.
www.icomuk.co.uk

Icom France s.a.s.
www.icom-france.com